

Số: 03 /2022/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 13 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4522/TTr-SXD ngày 31/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:



Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2022 và thay thế, bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy trình thực hiện nhóm thủ tục hành chính trong công tác thẩm định và cấp giấy phép xây dựng theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương; Thủ trưởng: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VPCP; Bộ XD;
- Cục kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- TT TU; TT HĐND;
- UBMTTQVN; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT;
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp;
- TT Công báo, Website tỉnh;
- LĐVP, Km, Thg, NC, TH;
- Lưu: VT. 12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lộc Hà

QUY ĐỊNH

Phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Kèm theo Quyết định số: 03 /2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Chương II

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG,
CHẤT LƯỢNG, THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm quản lý đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị).

b) Sở Công Thương có trách nhiệm quản lý đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý).

c) Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm quản lý đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý).

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như sau:

a) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Dự án đầu tư xây dựng nhóm A sử dụng vốn đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: chủ trì thẩm định các nội dung của người quyết định đầu tư tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

- Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 và khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ dự án được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và điểm a khoản 2 Điều 6 của Quy định này).

- Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các dự án nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ dự án được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và điểm a khoản 2 Điều 6 của Quy định này).

- Dự án PPP: thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ dự án được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

- Dự án sử dụng vốn khác: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các dự án có quy mô lớn, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ dự án được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và điểm b khoản 3 Điều 7 của Quy định này).

- Dự án có công năng phục vụ hỗn hợp: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản

15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với công năng phục vụ của công trình chính của dự án được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án được quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

- Chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế hoặc dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 57 và khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

c) Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

- Dự án sử dụng vốn đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các công trình được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và điểm a khoản 5 Điều 7 của Quy định này).

- Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các công trình thuộc dự án có quy mô từ nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình được quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ).

- Dự án PPP: thẩm định các nội dung quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các công trình thuộc dự án được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

- Dự án hỗn hợp gồm nhiều loại công trình khác nhau sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với công năng phục vụ của công trình chính của dự án được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình được quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 7 của Quy định này).

- Dự án sử dụng vốn khác: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với công trình cấp II trở xuống, dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của 02 huyện trở lên thuộc dự án có công trình

ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm xây dựng dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và điểm c khoản 5 Điều 7 của Quy định này).

- Thẩm định thiết kế FEED hoặc bước thiết kế khác triển khai theo thông lệ quốc tế: chủ trì thẩm định dự án có cấp công trình từ cấp II trở xuống được xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình được quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và điểm a khoản 2 Điều 6 của Quy định này) đối với hồ sơ thiết kế xây dựng trình thẩm định có đủ các nội dung theo quy định tại Điều 80 của Luật Xây dựng năm 2014.

d) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, khoản 5 Điều 4 và khoản 6 Điều 7 của Quy định này).

e) Rà soát công tác đánh giá an toàn công trình và thông báo kết quả đánh giá an toàn công trình cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình quy định tại khoản 6 Điều 4 của Quy định này).

g) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng đối với công trình cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh (trừ các công trình quy định tại khoản 7 Điều 4 của Quy định này).

h) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh hết thời hạn sử dụng theo thiết kế và phá dỡ công trình xây dựng (trừ các công trình quy định tại khoản 8 Điều 4 của Quy định này).

i) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh đối với công trình sự cố cấp I, sự cố cấp II đối với công trình do Sở quản lý xây dựng chuyên ngành quản lý (trừ các công trình quy định tại khoản 9 Điều 4 của Quy định này). Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ thi công xây dựng trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể được quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn thực hiện nhiệm vụ như sau:

a) Đối với Sở Xây dựng:

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và công bố thông tin năng lực của các cá nhân, tổ chức hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh lên trang thông tin điện tử do mình quản lý.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng định kỳ hằng năm và đột xuất; báo cáo danh sách các đơn vị vi phạm quy định về chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Xây dựng để tổng hợp tình hình về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

Điều 4. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương

1. Chủ trì kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghiệp.

2. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghiệp.

3. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được

sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các dự án nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp (trừ dự án được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

b) Dự án sử dụng vốn khác: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp (trừ dự án được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

c) Dự án có công năng phục vụ hỗn hợp: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các dự án được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp (trừ dự án được quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

d) Chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế hoặc dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối với các dự án được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp.

4. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

a) Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các công trình thuộc dự án có quy mô từ nhóm B trở lên, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng trong khu công nghiệp (trừ các công trình được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

b) Thẩm định thiết kế FEED hoặc bước thiết kế khác triển khai theo thông lệ quốc tế: chủ trì tổ chức thẩm định dự án có cấp công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp (trừ các công trình được quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP) đối với hồ sơ thiết kế xây dựng trình thẩm định có đủ các nội dung theo quy định tại Điều 80 của Luật Xây dựng năm 2014.

5. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có cấp công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp (trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

6. Rà soát công tác đánh giá an toàn công trình và thông báo kết quả đánh giá an toàn công trình được xây dựng trong khu công nghiệp.

7. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng trong các khu công nghiệp.

8. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế và phá dỡ công trình xây dựng được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp.

9. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình xây dựng, sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ thi công xây dựng được đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp.

10. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp tình hình về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

Điều 5. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh

1. Chủ trì kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, các nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do mình quản lý.

2. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng công trình xây dựng.

3. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Xây dựng để tổng hợp tình hình chất lượng công trình xây dựng do mình quản lý định kỳ hằng năm và đột xuất.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý dự án đầu tư xây dựng, chất lượng công trình do mình quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư, nhà ở riêng lẻ, công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Phân công phòng có chức năng quản lý về xây dựng thực hiện công tác thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư:

a) Dự án nhóm B, nhóm C.

b) Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Trường hợp phòng có chức năng quản lý về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1, khoản 26 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 thì yêu cầu chủ đầu tư trình thẩm định tại Sở quản lý xây dựng chuyên ngành.

4. Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho các Phòng chức năng trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

6. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

7. Phân công cơ quan được giao quản lý xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý đối với công trình cấp III, cấp IV có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác sử dụng trên địa bàn được giao quản lý.

8. Xử lý đối với công trình cấp III, cấp IV hết thời hạn sử dụng theo thiết kế và phá dỡ công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

9. Chủ trì giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp II (đối với công trình do cấp huyện quản lý), cấp III trên địa bàn được giao quản lý. Chủ trì giải quyết sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ thi công xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm của Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về đầu tư xây dựng, chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 và khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các dự án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Quy định này được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

b) Dự án sử dụng vốn khác: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các dự án có quy mô lớn, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý có cấp công trình từ cấp III trở xuống thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 57 và khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Xây dựng năm 2020 và khoản 5 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối với các dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Quy định này được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

5. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các công trình thuộc dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

b) Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với các công trình thuộc dự án có quy mô nhóm B, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

c) Dự án sử dụng vốn khác: chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 của Luật Xây dựng năm 2020 đối với công trình cấp III trở xuống thuộc dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm xây dựng dân cư nông thôn thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư và công trình xây dựng cấp III, cấp IV có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng, đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng; kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn huyện khi có yêu cầu.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý đối với công trình cấp III, cấp IV có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng trên địa bàn được giao quản lý.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý đối với các công trình cấp III, cấp IV hết thời hạn sử dụng theo thiết kế và phá dỡ công trình xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

10. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết đối với công trình sự cố cấp II (đối với công trình do cấp huyện quản lý), cấp III được xây dựng trên địa bàn huyện. Tham mưu giải quyết sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ thi công xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

11. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hằng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phân công tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý về đầu tư xây dựng, chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn xã.
2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng do mình quyết định đầu tư, chủ đầu tư.
3. Phối hợp với Phòng chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.
4. Báo cáo và phối hợp trong quá trình giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 44, Điều 45 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Báo cáo và phối hợp trong quá trình giải quyết sự cố sập đổ máy, thiết bị phục vụ thi công xây dựng theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.
5. Chủ trì tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế đối với các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn xã.
6. Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ hằng năm, đột xuất việc tuân thủ về đầu tư xây dựng, chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn xã.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG

Điều 9. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

1. Phân cấp cho Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng và các công trình khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.
2. Phân cấp cho Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trong các khu công nghiệp.
3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn được giao quản lý.
4. Việc điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi và hủy giấy phép xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 51, Điều 52 và Điều 53 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Trường hợp xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định hiện hành trước khi đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng.

5. Trường hợp dự án có nhiều loại công trình, cấp công trình khác nhau, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng được xác định theo công trình chính có cấp công trình cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 10. Quy mô và thời hạn tồn tại của công trình cấp phép xây dựng có thời hạn

1. Quy mô của công trình cấp phép xây dựng có thời hạn.

a) Công trình cấp phép xây dựng có thời hạn có số tầng tối đa không quá 03 (ba) tầng và chiều cao tối đa không quá 12 mét; phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan trong khu vực và tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch, xây dựng.

b) Trường hợp nhà đầu tư có dự án đảm bảo khả năng thu hồi vốn và tạo hiệu quả cho xã hội trong thời hạn tồn tại quy định thì thực hiện theo quy mô đề xuất của nhà đầu tư.

2. Thời hạn tồn tại của công trình cấp phép xây dựng có thời hạn.

a) Thời hạn tồn tại của công trình cấp phép xây dựng có thời hạn theo kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp chưa có kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng thì thời hạn tồn tại của công trình xây dựng theo thời hạn quy hoạch xây dựng.

c) Trường hợp chưa có kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng và thời hạn tồn tại của công trình xây dựng do nhà đầu tư đề xuất bảo đảm việc triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng thì cấp phép có thời hạn theo đề xuất của nhà đầu tư.

Điều 11. Quản lý trật tự xây dựng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành về Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Sở Xây dựng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương, địa phương theo chức năng được giao thẩm định, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình có trách nhiệm theo dõi, tổ chức kiểm tra các dự án, công trình thuộc trách nhiệm được giao quản lý.

Điều 12. Thanh tra, kiểm tra

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo Thanh tra Sở Xây dựng lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm tra trật tự xây dựng đối với các công trình thuộc chức năng quản lý của mình, trường hợp phát hiện có sai phạm thì chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm tra trật tự xây dựng trong các khu công nghiệp, trường hợp phát hiện có sai phạm thì chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm ban hành quy định phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra trật tự xây dựng được giao quản lý theo quy định này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Đối với công trình bí mật nhà nước việc thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Giao Sở Xây dựng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

UBND Tỉnh